

Số 402 /QĐ-LĐTBXH

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Căn cứ Nghị định số 106/2012/NĐ-CP ngày 20/12/2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí số 44/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

Căn cứ Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày 10/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

Căn cứ Quyết định số 932/QĐ-LĐTBXH ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc ban hành Chương trình hành động của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về tăng cường thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

Căn cứ Quyết định số 253/QĐ-TTg ngày 17/2/2016 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Chương trình tổng thể của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2016;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 2. Quyết định này có hiệu thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Thứ trưởng;
- Lưu: VT, KHTC.



Phạm Thị Hải Chuyên

CHƯƠNG TRÌNH
THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ NĂM 2016

(Kèm theo Quyết định số 402 /QĐ-LĐTĐ ngày 29 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

I. Mục tiêu, yêu cầu của thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

1. Mục tiêu

Mục tiêu của thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (sau đây viết tắt là THTK, CLP) năm 2016 là tiếp tục đẩy mạnh công tác THTK, CLP trong các hoạt động để sử dụng hiệu quả nguồn lực thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Bộ, ngành Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Yêu cầu

2.1. Bám sát mục tiêu, yêu cầu, nội dung chương trình THTK, CLP theo Quyết định số 932/QĐ-LĐTĐ ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc ban hành Chương trình hành động của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về tăng cường thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và Quyết định số 253/QĐ-TTg ngày 17/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình tổng thể của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2016.

2.2. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đẩy mạnh THTK, CLP để tiếp tục phòng ngừa, ngăn chặn và từng bước đẩy lùi tình trạng lãng phí, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng các nguồn lực góp phần hoàn thành nhiệm vụ chính trị được giao.

2.3. Đẩy mạnh việc THTK, CLP trong năm 2016 để đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu chủ yếu của Ngành Lao động - Thương binh và Xã hội đề ra tại Quyết định số 80/QĐ-LĐTĐ ngày 15/01/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc ban hành Chương trình công tác lĩnh vực lao động, người có công và Xã hội năm 2016.

2.4. THTK, CLP là trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân có liên quan trong thực hiện nhiệm vụ được giao, gắn với trách nhiệm của người đứng đầu để tạo chuyển biến tích cực trong chống lãng phí và thực hành tiết kiệm.

2.5. THTK, CLP phải được tiến hành thường xuyên, liên tục ở mọi lúc, mọi nơi, đồng thời phải được tiến hành đồng bộ với các hoạt động phòng chống tham nhũng, cải cách hành chính, cải cách tài chính công, tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tiễn của đơn vị.

3. Nhiệm vụ trọng tâm

3.1. Đẩy mạnh việc THTK, CLP trong việc xây dựng và ban hành các chính sách lao động, người có công và xã hội.

3.2. Tập trung chỉ đạo để hoàn thành kế hoạch cải cách hành chính năm 2016 ban hành kèm theo Quyết định số 1923/QĐ-LĐTBXH ngày 29/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc ban hành kế hoạch cải cách hành chính năm 2016 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

3.3. Chống lãng phí trong mua sắm tài sản nhà nước; chỉ mua sắm tài sản thực sự cần thiết cho hoạt động của đơn vị.

3.4. Tiếp tục đẩy mạnh và duy trì thường xuyên công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật các nghị quyết, kết luận, chỉ thị về thực hành tiết kiệm chống lãng phí của Đảng, Nhà nước, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và của Bộ. Trong đó cần nâng cao nhận thức, đặc biệt là trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị trong THPTK, CLP, xác định THPTK, CLP là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục của các đơn vị thuộc Bộ.

3.5. Triệt để tiết kiệm chi ngân sách, lồng ghép các chính sách; xây dựng kế hoạch, dự toán trên cơ sở các chế độ, tiêu chuẩn định mức chi của nhà nước cho những công việc thực sự cần thiết, cấp bách để thực hiện tiết kiệm ngay từ khâu phân bổ dự toán; bảo đảm chi theo dự toán được giao, đồng thời kiểm soát chặt chẽ các khoản chi để nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách.

3.6. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc xây dựng và thực hiện Chương trình THPTK, CLP; thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về THPTK, CLP trong phạm vi quản lý.

3.7. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, định mức, chế độ làm cơ sở cho THPTK, CLP.

3.8. Chống lãng phí trong sử dụng nguồn lực lao động, nâng cao chất lượng lao động, tăng hiệu suất, hiệu quả lao động của công chức, viên chức và người lao động thuộc cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị nghiên cứu khoa học, ban quản lý dự án nước ngoài, doanh nghiệp thuộc Bộ (sau đây viết tắt là đơn vị). Phấn đấu tinh giản biên chế hành chính ở mức tối đa trên cơ sở nâng cao hiệu suất, hiệu quả làm việc trong các cơ quan hành chính.

4. Đối tượng áp dụng: Các Vụ, cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị nghiên cứu khoa học, các doanh nghiệp, các ban quản lý dự án nước ngoài, toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

II. Một số chỉ tiêu cụ thể

1. Đẩy mạnh việc THPTK, CLP trong việc xây dựng và ban hành các chính sách lao động, người có công và xã hội

1.1. Chỉ ban hành chính sách làm tăng chi ngân sách nhà nước khi thật sự cần thiết và có nguồn bảo đảm. Lồng ghép các chính sách, xây dựng phương án tiết kiệm để thực hiện ngay từ khâu phân bổ dự toán và cả trong quá trình thực hiện.

1.2. Xây dựng kịp thời hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được phân công, góp phần thực hiện Luật THPTK, CLP.

2. THTK, CLP trong quản lý, sử dụng kinh phí chi thường xuyên của ngân sách nhà nước

2.1. Năm 2016, tiếp tục thực hiện chỉ tiêu tiết kiệm 10% chi thường xuyên (không kể tiền lương và các khoản có tính chất lương) để tạo nguồn cải cách tiền lương. Trong đó, tập trung các nhiệm vụ như sau:

a) Tiết kiệm tối thiểu 12% kinh phí chi hội nghị, hội thảo, tọa đàm, họp, chi tiếp khách, khánh tiết, tổ chức lễ hội, lễ kỷ niệm, sử dụng xăng xe, điện, nước, văn phòng phẩm, sách, báo, tạp chí.

b) Tiếp tục thực hiện tiết kiệm tối thiểu 15% chi đoàn ra, đoàn vào. Không bố trí chi đoàn ra trong chi thường xuyên các Chương trình mục tiêu quốc gia. Thực hiện quản lý chặt chẽ đoàn ra, đoàn vào đúng người, đúng mục đích và căn cứ trên dự toán và danh mục đoàn ra, đoàn vào được phê duyệt từ đầu năm của mỗi cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp sử dụng ngân sách nhà nước. Hạn chế tối đa các đoàn đi công tác nước ngoài bổ sung không theo dự toán, danh mục từ đầu năm; chỉ tiến hành bổ sung khi có nhiệm vụ đột xuất, đặc biệt cần thiết.

c) Triệt để tiết kiệm chi ngân sách, không tăng chi thường xuyên ngoài lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương.

d) Không đề xuất, phê duyệt các đề tài nghiên cứu khoa học có nội dung trùng lặp, không khả thi. Thực hiện cơ chế khoán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên cơ sở định mức nghiên cứu khoa học, công nghệ và kết quả đầu ra.

đ) Rà soát các chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định để ưu tiên bố trí nguồn lực đối với các chương trình, dự án cần thiết, hiệu quả, cắt giảm các chương trình, dự án có nội dung trùng lặp, kém hiệu quả.

2.2. Tăng cường THTK, CLP thông qua việc đẩy nhanh cải cách tài chính công, cụ thể:

a) Tiếp tục thực hiện đổi mới cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội theo hướng tăng cường phân cấp và tăng cường tự chủ về tổ chức thực hiện nhiệm vụ, nhân lực tài chính trên cơ sở có tính đến đặc điểm của từng loại hình dịch vụ, khả năng và nhu cầu thị trường, trình độ quản lý. Triển khai tích cực, hiệu quả Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập thông qua việc giao quyền tự chủ tài chính giai đoạn 2016-2018.

b) Ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công và tiến tới hoàn thiện hệ thống định mức kinh tế, kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công làm cơ sở THTK, CLP.

c) Khuyến khích các đơn vị sự nghiệp công lập đẩy mạnh hoạt động theo cơ chế tự chủ, tiến tới tự chủ hoàn toàn chi thường xuyên, chi đầu tư, hạch toán như doanh nghiệp, đồng thời nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng tài sản và cung cấp dịch vụ công với chất lượng tốt hơn.

d) Tiếp tục tái cơ cấu 03 doanh nghiệp thuộc Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội giai đoạn 2016-2020 để nâng cao hiệu quả kinh doanh, bảo toàn và phát triển vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

e) Triển khai thực hiện phương án chuyển đổi 03 Trung tâm Kiểm định kỹ thuật an toàn Khu vực I, Trung tâm Kiểm định kỹ thuật an toàn Khu vực II, Trung tâm Kiểm định kỹ thuật an toàn Khu vực III thành công ty cổ phần theo Công văn số 58/TTg-ĐMDN ngày 08/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chuyển đổi đơn vị sự nghiệp thành công ty cổ phần và các văn bản có liên quan.

f) Tiếp tục đổi mới công tác xét duyệt, thẩm định, quyết toán ngân sách năm đối với cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị nghiên cứu khoa học, các Ban quản lý dự án nước ngoài thuộc Bộ theo hướng kiểm tra, kiểm soát chi tiêu (theo nhiệm vụ, sản phẩm đầu ra) gắn với chức năng, nhiệm vụ và kinh phí được giao; xây dựng, áp dụng ISO vào các quy trình xét duyệt, thẩm định quyết toán ngân sách.

2.3. Tăng cường thực hiện kế hoạch đặt hàng sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công; đấu thầu cung cấp dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ ngân sách nhà nước năm 2016.

3. THTK, CLP trong quản lý, sử dụng vốn đầu tư cơ bản từ ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

3.1. Trong năm 2016, tiếp tục quán triệt và thực hiện nghiêm các quy định của Luật Đầu tư công; triển khai có hiệu quả Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020 và Kế hoạch đầu tư công năm 2016. THTK, CLP thông qua việc tăng cường các biện pháp nâng cao chất lượng công tác quy hoạch, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát đối với tất cả các khâu trong quá trình đầu tư; bảo đảm công khai, minh bạch trong đấu thầu thông qua tăng cường đấu thầu rộng rãi, công khai, hạn chế tối đa việc chỉ định thầu các dự án đầu tư.

3.2. Thực hiện tiết kiệm từ chủ trương đầu tư; tiến hành rà soát cắt giảm 100% các dự án không nằm trong quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt; thu hồi đối với các dự án đã được cấp phép đầu tư nhưng quá thời hạn quy định không triển khai thực hiện theo cam kết hoặc theo giấy phép; cắt giảm, tạm dừng các hạng mục công trình chưa thực sự cần thiết hoặc hiệu quả đầu tư thấp; không để phát sinh thêm và xử lý dứt điểm nợ đọng xây dựng cơ bản.

3.3. THTK, CLP thông qua đổi mới cơ bản cơ chế phân bổ và quản lý sử dụng vốn đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công. Phần đầu đảm bảo 100% việc phân bổ vốn đầu tư công tuân thủ nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công do cấp có thẩm quyền quyết định. Trong đó, tập trung bố trí vốn đầu tư công để hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ thực hiện chương trình, dự án quan trọng, chương trình, dự án đã được phê duyệt; hoàn tạm ứng các khoản vốn ứng trước kế hoạch (nếu có).

3.4. Chống lãng phí, nâng cao chất lượng công tác khảo sát, thiết kế, giải pháp thi công, thẩm định dự án để phân đầu tiết kiệm từ 10% đến 15% tổng mức đầu tư.

3.5. Tạm ứng, thanh toán vốn đầu tư theo đúng quy định của nhà nước đảm bảo tiến độ thực hiện dự án và thời hạn giải ngân, sử dụng vốn hiệu quả. Thực hiện nghiêm Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường, đẩy mạnh công tác quyết toán vốn đầu tư các dự án hoàn thành sử dụng vốn nhà nước.

3.6. Không tổ chức lễ động thổ, lễ khởi công, khánh thành các công trình xây dựng cơ bản, trừ các công trình quan trọng quốc gia; công trình có giá trị lớn, có ý nghĩa quan trọng về kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội của địa phương.

4. THPT, CLP trong mua sắm, sửa chữa tài sản từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác (phí, lệ phí; thu sự nghiệp, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp...)

4.1. Thực hiện mua sắm, sửa chữa, nâng cấp tài sản tối đa không được vượt chế độ, tiêu chuẩn, định mức do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

4.2. Trước khi xây dựng kế hoạch đấu thầu mua sắm tài sản, đơn vị phải thực hiện việc rà soát các tài sản, trang thiết bị đã được trang bị để bố trí sắp xếp, sử dụng có hiệu quả nhất, đồng thời cắt giảm nhu cầu chưa thực sự cần thiết, cấp bách để tiết kiệm kinh phí mua sắm tài sản.

4.3. Đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện mua sắm, sửa chữa tài sản từ các nguồn kinh phí mua sắm, sửa chữa tài sản đã bố trí trong dự toán ngân sách giao năm 2016 để trình Bộ phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu trước ngày 30/05/2016 theo đúng quy định của Luật Đấu thầu, Nghị định số 63/2014/NĐ-CP của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Trường hợp đến ngày 30/6/2016 các khoản kinh phí thường xuyên chưa phân bổ hoặc đã phân bổ nhưng chưa triển khai thực hiện, chưa phê duyệt dự toán, chưa tổ chức đấu thầu theo quy định của Luật Đấu thầu và các văn bản khác có liên quan thì dừng triển khai và thu hồi để bổ sung dự phòng ngân sách Trung ương, trừ trường hợp theo quy định của pháp luật và trường hợp đặc biệt do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

4.4. Hạn chế mua sắm xe ô tô và trang thiết bị đắt tiền. Thực hiện mua sắm ô tô theo hướng dẫn tại Công văn 2304/BTC-QLCS ngày 19/02/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn mua sắm tài sản từ nguồn ngân sách Nhà nước năm 2016.

5. THPT, CLP trong quản lý, sử dụng đất đai, trụ sở làm việc, tài sản công

5.1. Đất đai, trụ sở làm việc giao cho đơn vị phải được quản lý, sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả và bảo đảm thực hành tiết kiệm, không lãng phí.

5.2. Phối hợp với các cơ quan có chức năng thực hiện nghiêm việc xử lý, thu hồi các diện tích đất đai sử dụng không đúng quy định của pháp luật, sử dụng đất sai mục đích, sai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, lãng phí, kém hiệu quả, bỏ hoang hóa và đất lấn chiếm trái quy định.

5.3. Tổ chức rà soát, sắp xếp lại số xe ô tô hiện có của đơn vị theo chế độ, tiêu chuẩn, định mức do Thủ tướng Chính phủ quy định tại Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg ngày 08 tháng 4 năm 2015 quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng xe ô tô trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; Thông tư số 159/2015/TT-BTC ngày 15/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg ngày 04/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ; thực hiện xử lý kịp thời số xe ô tô dôi dư (nếu có) theo đúng quy định; từng bước thực hiện khoán xe công đối với một số chức danh theo Nghị quyết số 99/2015/QH13 ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước năm 2016.

5.4. Thực hiện nghiêm Chi thị số 27/CT-TTg ngày 25 tháng 8 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác quản lý các trụ sở, các cơ sở hoạt động sự nghiệp; quản lý và sử dụng nhà, đất theo phương án sắp xếp, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước đã được duyệt, kiên quyết thu hồi diện tích nhà, đất sử dụng cho thuê, cho mượn, liên doanh, liên kết không đúng quy định.

5.5. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, sử dụng tài sản, trang thiết bị phục vụ công tác. Thực hiện xử lý kịp thời tài sản của các dự án sử dụng vốn viện trợ nước ngoài, ngân sách nhà nước sau khi dự án kết thúc theo đúng quy định của pháp luật.

6. THPTK, CLP trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản của Nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp thuộc Bộ quản lý

6.1. Xây dựng kế hoạch, lộ trình thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp giai đoạn 2016-2020, đồng thời tăng cường công tác quản lý, tiếp tục tái cơ cấu các hoạt động kinh doanh để nâng cao hiệu quả kinh doanh, bảo toàn và phát triển vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

6.2. Thực hiện triệt để tiết kiệm năng lượng, vật tư, chi phí đầu vào, ứng dụng công nghệ mới để nâng cao chất lượng, sức cạnh tranh, tiết kiệm chi phí sản xuất kinh doanh; đăng ký và thực hiện tiết giảm chi phí quản lý (từ 5% trở lên). Trong đó, tiết giảm tối đa chi phí quảng cáo, tiếp thị, khuyến mại, hoa hồng môi giới, chi tiếp tân, khánh tiết, hội nghị, chi chiết khấu thanh toán, chi phí năng lượng.

6.3. Tập trung phát triển các ngành, lĩnh vực kinh doanh chính, đẩy mạnh thoái vốn đầu tư ngoài ngành (nếu có), chấm dứt tình trạng đầu tư dàn trải, đảm bảo đầu tư có hiệu quả. Xây dựng hệ thống quản trị doanh nghiệp phù hợp với cơ chế thị trường và thông lệ quốc tế.

7. THPTK, CLP trong quản lý, sử dụng điện năng: Ban hành quy chế sử dụng điện tại đơn vị; chống lãng phí, thực hiện triệt để việc tiết kiệm điện, phấn đấu cả năm giảm xuống 5%.

8. THPTK, CLP trong quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động

8.1. Thực hiện nghiêm quy định của Chính phủ về tinh giản biên chế, phấn đấu thực hiện chỉ tiêu tinh giản 1,5% so với số biên chế được giao. Các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp chỉ tuyển dụng số cán bộ, công chức, viên chức mới không quá 50% số biên chế cán bộ, công chức, viên chức đã thực hiện tinh giản biên chế và không quá 50% số biên chế cán bộ, công chức, viên chức đã giải quyết chế độ nghỉ hưu hoặc thôi việc theo quy định.

8.2. Thực hiện quản lý chặt chẽ thời giờ lao động, kiểm tra, giám sát chất lượng và đảm bảo hiệu quả công việc của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại các đơn vị.

8.3. Thực hiện rà soát và đơn giản hóa các thủ tục hành chính liên quan đến các thủ tục tuyển dụng công chức, viên chức (thủ tục thi tuyển công chức, thủ tục xét tuyển dụng công chức, thủ tục xét tuyển đặc cách viên chức), thủ tục thi nâng ngạch công chức, thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức theo quy định của Chính phủ, hướng dẫn, quy định của các Bộ, ngành để đảm bảo giảm chi phí tuân thủ thủ tục hành chính, tiết kiệm kinh phí.

III. Giải pháp thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm

1. Thống nhất công tác chỉ đạo việc THTK, CLP từ Bộ đến các đơn vị thuộc Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội

Căn cứ Chương trình tổng thể về THTK, CLP của Bộ, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ trong phạm vi quản lý của mình, có trách nhiệm chỉ đạo thống nhất việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm của năm 2016, xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm, phân công rõ trách nhiệm của từng tập thể, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm. Quy định kết quả THTK, CLP là tiêu chí để đánh giá công tác thi đua, khen thưởng và bổ nhiệm cán bộ, công chức, viên chức.

2. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, đặc biệt là đề cao trách nhiệm của người đứng đầu trong THTK, CLP

Tiếp tục thông tin, phổ biến pháp luật về THTK, CLP và các chủ trương, chính sách mới của Đảng và Nhà nước có liên quan đến THTK, CLP thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, hội nghị quán triệt, tập huấn để tuyên truyền, giáo dục sâu rộng đến đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm về mục tiêu, yêu cầu, ý nghĩa của công tác THTK, CLP. Qua đó nâng cao trách nhiệm, thống nhất nhận thức và hành động của từng cấp, từng ngành và mỗi cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đặc biệt là trách nhiệm của người đứng đầu trong THTK, CLP.

3. Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện trên các lĩnh vực THTK, CLP, trong đó tập trung vào

3.1. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính trong tất cả các lĩnh vực thuộc Ngành Lao động – Thương binh và Xã hội theo kế hoạch cải cách hành chính của năm 2016 Bộ đã ban hành:

a) Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống thể chế, văn bản quy phạm pháp luật về lao động, người có công và xã hội theo kế hoạch đã ban hành.

b) Kiện toàn hệ thống tổ chức bộ máy theo quy định của Chính phủ; nâng cao chất lượng, năng lực thực thi công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

c) Kiểm soát chặt chẽ quy định thủ tục hành chính; tăng cường cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

d) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng Chính phủ điện tử; áp dụng và thực hiện có hiệu quả Hệ thống quản lý chất lượng ISO.

e) Tiếp tục thực hiện đổi mới cơ chế quản lý tài chính, tài sản đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị nghiên cứu khoa học thuộc Bộ tăng cường mức độ tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập; nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng ngân sách, tiền, tài sản nhà nước nhằm phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tạo điều kiện và tác động tích cực đến công tác chỉ đạo, điều hành và quản lý nhà nước.

3.2. Tập trung rà soát các kế hoạch, dự án đầu tư ngay từ khâu định hướng, chủ trương đầu tư, tránh việc định hướng đầu tư và chủ trương đầu tư sai, dẫn đến

các dự án đầu tư không đạt hiệu quả kinh tế - xã hội, đầu tư dàn trải, hiệu quả sử dụng vốn nhà nước thấp.

3.3. Đổi mới việc phân bổ vốn, tập trung vốn cho các công trình sắp hoàn thành.

3.4. Đẩy mạnh công tác đào tạo nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác quyết toán các dự án đầu tư nhằm nâng cao tiến độ và chất lượng công tác thanh quyết toán vốn đầu tư các dự án hoàn thành sử dụng vốn nhà nước, góp phần bảo vệ lợi ích hợp pháp của nhà thầu và hạn chế thất thoát ngân sách nhà nước.

3.5. Thực hiện công khai thông tin các đơn vị có dự án chưa hoàn thành công tác kiểm toán, quyết toán.

4. Tăng cường thực hiện công khai, giám sát THPT, CLP

4.1. Người đứng đầu các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước phải thực hiện công khai theo đúng quy định của pháp luật, tập trung thực hiện công khai việc sử dụng ngân sách nhà nước và các nguồn tài chính được giao theo quy định. Khuyến khích thực hiện hình thức công khai trên trang thông tin điện tử nhằm nâng cao hiệu quả và tiết kiệm ngân sách (trừ những nội dung thuộc bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật).

4.2. Thực hiện công khai hành vi lãng phí, kết quả xử lý hành vi lãng phí.

5. Kiểm tra, thanh tra, xử lý nghiêm các vi phạm quy định về THPT, CLP

5.1. Tăng cường công tác thanh tra, tự kiểm tra việc xây dựng và thực hiện Chương trình THPT, CLP; thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về các lĩnh vực liên quan đến THPT, CLP, quản lý, sử dụng kinh phí trong đó tập trung các nhiệm vụ sau:

- a) Quản lý, sử dụng đất, trụ sở làm việc.
- b) Các dự án đầu tư sử dụng ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước.
- c) Các chương trình mục tiêu quốc gia; chương trình quốc gia; các quỹ có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước.
- d) Mua sắm, trang bị, quản lý, sử dụng phương tiện đi lại; trang thiết bị làm việc; trang thiết bị y tế, thuốc phòng bệnh, chữa bệnh phục vụ hoạt động của các cơ sở y tế do ngân sách nhà nước cấp kinh phí.
- e) Xây dựng chương trình, giáo trình các trường nghề, đào tạo.

5.2. Thủ trưởng các đơn vị chủ động xây dựng kế hoạch kiểm tra, tự kiểm tra tại các đơn vị mình và chỉ đạo công tác kiểm tra, tự kiểm tra tại đơn vị cấp dưới trực thuộc.

5.3. Đối với những vi phạm được phát hiện trong công tác kiểm tra, thủ trưởng đơn vị phải khắc phục, xử lý hoặc đề xuất, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền có biện pháp xử lý.

6. Hiện đại hóa quản lý; thực hiện kiên trì, kiên quyết, có hiệu quả trong công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí; tăng cường phối hợp giữa các cơ quan trong THTK, CLP.

IV. Tổ chức thực hiện

1. Đối với Thủ trưởng các đơn vị

1.1. Căn cứ Chương trình tổng thể về THTK, CLP này, thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ xây dựng Chương trình THTK, CLP năm 2016 của đơn vị mình; chỉ đạo việc xây dựng Chương trình THTK, CLP năm 2016 của các cấp, các cơ quan, đơn vị trực thuộc (nếu có). Trong Chương trình THTK, CLP của mỗi cấp cụ thể hóa các mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm, tiêu chí đánh giá tiết kiệm và yêu cầu chống lãng phí của cấp mình, ngành mình; xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm cũng như những giải pháp, biện pháp cần thực hiện để đạt được mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm đã đặt ra.

1.2. Người đứng đầu các đơn vị thuộc Bộ thường xuyên theo dõi và giám sát, tổng hợp báo cáo Bộ và các cơ quan chức năng theo quy định hiện hành.

1.3. Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị trong việc thực hiện kiểm tra, kịp thời làm rõ lãng phí khi có thông tin phát hiện để xử lý nghiêm đối với các tổ chức, cá nhân trong phạm vi quản lý có hành vi lãng phí.

1.4. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc xây dựng và thực hiện Chương trình THTK, CLP; thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về THTK, CLP và việc thực hiện Chương trình THTK, CLP trong phạm vi quản lý.

1.5. Thủ trưởng đơn vị tập trung chỉ đạo để đẩy nhanh tiến độ xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật, tiêu chuẩn, chế độ làm cơ sở THTK, CLP; thực hiện công khai trong THTK, CLP, đặc biệt là công khai các hành vi lãng phí và kết quả xử lý hành vi lãng phí.

2. Vụ Kế hoạch – Tài chính, Thanh tra Bộ và các cơ quan hành chính thuộc Bộ thực hiện kiểm tra, thanh tra việc triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về THTK, CLP trong lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ được giao; tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện về Bộ (thông qua Vụ Kế hoạch – Tài chính).

3. Thời hạn và chế độ báo cáo

3.1. Báo cáo tình hình thực hiện Chương trình THTK, CLP theo phụ lục số 01, 02 kèm theo Quyết định này.

3.2. Thời hạn nộp báo cáo: Báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm chống lãng phí theo định kỳ sáu tháng đầu năm trước ngày 05/7 hàng năm và Báo cáo THTK, CLP cả năm trước ngày 10/01 năm sau liền kề. /



Phục số 01

BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
ĐƠN VỊ:.....

BÁO CÁO **TÌNH HÌNH THTK, CLP** **ĐỊNH KỲ 6 THÁNG VÀ NĂM**

Các Vụ, Cục, Tổng cục, Thanh tra Bộ, Văn phòng Bộ, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị nghiên cứu khoa học, ban quản lý dự án, doanh nghiệp thuộc Bộ (sau đây gọi tắt là đơn vị) căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao và trên cơ sở các nội dung hướng dẫn tại Đề cương này, xây dựng các báo cáo định kỳ sáu tháng, một năm về tình hình, kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (viết tắt là “THTK, CLP”), phù hợp với đặc điểm, tình hình của đơn vị mình và bảo đảm đúng yêu cầu, quy định của Luật THTK, CLP số 44/2013/QH13.

Báo cáo định kỳ về THTK, CLP của đơn vị thuộc Bộ trình bày theo các nội dung chính như sau:

I. Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo THTK, CLP

Phần này trình bày báo cáo, đánh giá về tình hình, kết quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo THTK, CLP của Thủ trưởng đơn vị trong kỳ báo cáo. Trong đó tập trung vào một số nội dung sau:

1. Báo cáo về việc xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình THTK, CLP của Bộ. Nêu rõ các chỉ tiêu mục tiêu, chỉ tiêu và tiêu chí đánh giá tiết kiệm đã đề ra trong Chương trình THTK, CLP; các biện pháp về THTK, CLP đã đề ra và tình hình, kết quả triển khai thực hiện các biện pháp này theo tiến độ đến cuối kỳ báo cáo (bao gồm các biện pháp đã triển khai thực hiện từ trước báo cáo, đến kỳ báo cáo vẫn phát huy tác dụng và có kết quả cụ thể).

Các Vụ, Thanh tra Bộ, Văn phòng Bộ, Cục, Tổng cục có chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực báo cáo, đánh giá tình hình, kết quả công tác tham mưu, lãnh đạo, chỉ đạo việc THTK, CLP trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ, ngành trên phạm vi cả nước; đánh giá về thành tích, mặt tích cực, hiệu quả và những tồn tại, hạn chế, yếu kém trong công tác quản lý nhà nước của ngành, lĩnh vực.

2. Tình hình, kết quả (theo tiến độ) thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp Bộ phân công cho đơn vị tại Quyết định số 80/QĐ-LĐTBXH ngày 15/01/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc ban hành Chương trình công tác lĩnh vực lao động, người có công và Xã hội năm 2016 để thực hiện Nghị định số 01/NQ-CP ngày 07/01/2016 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2016: ***Báo cáo rõ tình hình, kết quả theo tiến độ từng nhiệm vụ, công việc được phân công; có thể lập thành bảng biểu để thể hiện rõ kết quả thực hiện công việc.***

3. Việc thực hiện tuyên truyền, phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật về THTK, CLP đến đơn vị cấp dưới thuộc quyền quản lý của đơn vị: Báo cáo, đánh giá cụ thể về những công việc đã và đang thực hiện trong kỳ, kết quả đạt được theo tiến độ đến cuối kỳ báo cáo.

4. Báo cáo về tình hình, kết quả tự kiểm tra, giám sát, thanh tra về THTK, CLP trong kỳ báo cáo. Trong đó tập trung vào một số nội dung sau:

a) Tình hình, kết quả tự kiểm tra, giám sát, thanh tra (về các nội dung, lĩnh vực được quy định tại Điều 10 và các quy định tại Chương 2, Luật THTK, CLP số 44/2013/QH13); tình hình, kết quả xử lý vi phạm, lãng phí phát hiện qua công tác tự kiểm tra, giám sát, thanh tra hoặc kiến nghị của các cơ quan thanh tra, kiểm toán tính đến cuối kỳ báo cáo.

b) Đánh giá về tình hình phát hiện và xử lý lãng phí thuộc phạm vi, trách nhiệm quản lý của đơn vị trong kỳ báo cáo (so sánh với kỳ trước, năm trước); báo cáo về các trường hợp, vụ việc xảy ra lãng phí tại đơn vị cấp dưới thuộc quyền quản lý của đơn vị và tình hình, kết quả xử lý cho đến cuối kỳ báo cáo.

5. Những nội dung khác về công tác lãnh đạo, chỉ đạo về THTK, CLP của đơn vị đã thực hiện trong kỳ báo cáo (nếu có).

II. Tình hình, kết quả THTK,CLP trong các lĩnh vực

Phần này trình bày báo cáo, đánh giá về tình hình, kết quả THTK, CLP tổng hợp chung của đơn vị trong kỳ báo cáo, có so sánh với mục tiêu, chỉ tiêu đề ra trong Chương trình THTK, CLP và tình hình, kết quả của kỳ trước, năm trước trong từng lĩnh vực, nội dung quy định tại Luật THTK, CLP:

1. THTK,CLP trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ (theo quy định tại Mục 1, Chương 2, Luật THTK, CLP số 44/2013/QĐ-H13). Trong đó, tập trung vào một số nội dung sau:

a) Báo cáo, đánh giá về tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ xây dựng pháp luật, hoàn thiện thể chế; việc xây dựng, ban hành mới, sửa đổi, bổ sung và tổ chức thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ thuộc trách nhiệm, thẩm quyền, phạm vi quản lý của đơn vị: Báo cáo, đánh giá rõ về những việc đã và đang thực hiện, so sánh với yêu cầu, nhiệm vụ, kế hoạch được giao đến cuối kỳ báo cáo; có số liệu cụ thể để minh họa.

b) Những tồn tại, hạn chế trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ. Phân tích nguyên nhân và biện pháp khắc phục.

2. THTK, CLP trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thuộc phạm vi, trách nhiệm của đơn vị. Tập trung vào một số nội dung sau:

a) Tình hình, kết quả thực hiện các quy định tại Mục 2, Chương 2 Luật THTK, CLP số 44/2013/QĐ13.

b) Số liệu cụ thể về kết quả thực hiện tiết kiệm kinh phí ngân sách nhà nước đạt được trong kỳ báo cáo, so sánh với chỉ tiêu, kế hoạch tiết kiệm đã đề ra và so với cùng kỳ năm trước, kỳ trước.

c) Những tồn tại, hạn chế trong quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước được giao. Phân tích nguyên nhân và biện pháp khắc phục

3. THPTK, CLP trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện thiết bị làm việc của tập thể, cá nhân thuộc quyền quản lý của đơn vị. Tập trung vào một số nội dung sau:

a. Tình hình, kết quả thực hiện các quy định tại Mục 3, Chương 2 Luật THPTK, CLP số 44/2013/QH13.

b. Số liệu cụ thể về kết quả thực hiện tiết kiệm trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và và phương tiện thiết bị làm việc tổng hợp chung của đơn vị, so sánh với chỉ tiêu, kế hoạch tiết kiệm đã đề ra và so với cùng kỳ năm trước, kỳ trước.

c. Những tồn tại, hạn chế trong quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước được giao. Phân tích nguyên nhân và biện pháp khắc phục.

4. THPTK,CLP trong đầu tư xây dựng, quản lý, sử dụng trụ sở làm việc và công trình thuộc phạm vi, trách nhiệm quản lý của đơn vị. Tập trung vào một số nội dung:

a) Tình hình, kết quả thực hiện các quy định tại Mục 4, Chương 2 Luật THPTK, CLP số 44/2013/QH13.

b) Số liệu cụ thể về kết quả thực hiện tiết kiệm trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình thuộc quyền quản lý của đơn vị, so sánh với chỉ tiêu, kế hoạch tiết kiệm đã đề ra và so với cùng kỳ năm trước, kỳ trước.

c) Những tồn tại, hạn chế trong quản lý đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc và công trình khác. Phân tích nguyên nhân và biện pháp khắc phục.

5. THPTK, CLP trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động thuộc quyền quản lý của đơn vị. Tập trung vào một số nội dung sau:

a) Tình hình, kết quả thực hiện các quy định tại Mục 6, Chương 2 Luật THPTK, CLP số 44/2013/QH13.

b) Số liệu cụ thể về kết quả thực hiện tiết kiệm trong quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động; tình hình, kết quả công tác cải cách hành chính, tinh giảm biên chế, sắp xếp tổ chức, bộ máy....., so sánh với chỉ tiêu, kế hoạch đã đề ra và so sánh với cùng kỳ năm trước, kỳ trước.

c) Những tồn tại, hạn chế trong quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động, cải cách hành chính. Phân tích nguyên nhân và biện pháp khắc phục.

6. THPTK, CLP trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp thuộc phạm vi, trách nhiệm quản lý của đơn vị. Tập trung vào một số nội dung sau:

a) Tình hình, kết quả thực hiện các quy định tại Mục 7, Chương 2 Luật THPTK, CLP số 44/2013/QH13.

b) Số liệu cụ thể về hiệu quả sản xuất kinh doanh, kết quả thực hiện tiết kiệm trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp so với chỉ tiêu, kế hoạch đã đề ra và so với năm trước, kỳ trước.

c) Tình hình, kết quả thực hiện tiến độ các nhiệm vụ, đề án tái cơ cấu, sắp xếp, cổ phần hóa doanh nghiệp; so sánh với chỉ tiêu, kế hoạch được giao.

d) Những tồn tại, hạn chế trong quản trị doanh nghiệp, quản lý sản xuất kinh doanh, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp. Phân tích nguyên nhân và biện pháp khắc phục.

7. THTK, CLP trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý của đơn vị. Tập trung vào một số nội dung sau:

a) Tình hình, kết quả thực hiện các quy định tại Mục 8, Chương 2 Luật THTK, CLP số 44/2013/QH13 (những nội dung thuộc phạm vi, trách nhiệm quản lý của Bộ, ngành, địa phương)

b) Số liệu cụ thể về kết quả đạt được liên quan đến THTK, CLP trong hoạt động sản xuất kinh doanh và tiêu dùng của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý của đơn vị; so với chỉ tiêu, kế hoạch tiết kiệm đã đề ra và so với năm trước, kỳ trước (việc thực hiện nếp sống văn hóa, văn minh, công tác quản lý, tổ chức lễ hội, thông tin, tuyên truyền, vận động, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động...)

c) Những tồn tại, hạn chế của việc thực hành tiết kiệm, tình trạng lãng phí trong hoạt động sản xuất, tiêu dùng của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong thuộc phạm vi quản lý của đơn vị. Phân tích nguyên nhân, biện pháp khắc phục.

KẾT QUẢ CÔNG TÁC THỰC HÀNH TIẾT KIỆM CHỐNG LÃNG PHÍ
6 tháng Năm.....

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số liệu		Ghi chú
			6 tháng đầu năm	Năm	
1	2	3	4	5	6
I	TRONG QUẢN LÝ, SỬ DỤNG KINH PHÍ NSNN		-	-	Số tiền tiết kiệm xác định trên cơ sở dự toán được duyệt; mức khoán chi được duyệt
1	Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN		-	-	
1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	triệu đồng			
1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ	triệu đồng			
1.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	triệu đồng			
1.4	Các nội dung khác				
2	Sử dụng và thanh quyết toán NSNN		-	-	
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính		-	-	
	Tiết kiệm văn phòng phẩm	triệu đồng			
	Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc	triệu đồng			
	Tiết kiệm sử dụng điện	triệu đồng			
	Tiết kiệm xăng, dầu	triệu đồng			
	Tiết kiệm nước sạch	triệu đồng			
	Tiết kiệm công tác phí	triệu đồng			
	Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo	triệu đồng			
	Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm	triệu đồng			
	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc	triệu đồng			
2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)		-	-	
	Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện đi lại				
	Kinh phí tiết kiệm được				
	Thẩm định, phê duyệt dự toán	triệu đồng			
	Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh,...	triệu đồng			
	Thương thảo hợp đồng	triệu đồng			
	Các nội dung khác	triệu đồng			
2.3	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	triệu đồng			
2.4	Tiết kiệm kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia	triệu đồng			
2.5	Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ	triệu đồng			
3	Sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ		-	-	
3.1	Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN	triệu đồng			
3.2	Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lãng phí, sai chế độ đã phát hiện được	triệu đồng			
3.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, thu hồi	triệu đồng			
4	Các nội dung khác				
II	ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG NSNN, TIỀN, TÀI SẢN NHÀ NƯỚC		-	-	
1	Số lượng dự án chưa cần thiết đã cắt giảm	dự án			
2	Số kinh phí tiết kiệm được		-	-	
	Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	triệu đồng			
	Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh,...	triệu đồng			
	Thực hiện đầu tư, thi công	triệu đồng			
	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	triệu đồng			
3	Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch	triệu đồng			
4	Các dự án thực hiện chậm tiến độ	dự án			
5	Các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, hủy bỏ		-	-	
	Số lượng	dự án			
	Giá trị đầu tư phải thanh toán	triệu đồng			
6	Các nội dung khác	triệu đồng			

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số liệu		Ghi chú
			6 tháng đầu năm	Năm	
1	2	3	4	5	6
III	QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC, NHÀ CÔNG VỤ CỦA CƠ QUAN SỬ DỤNG NSNN, CÔNG TRÌNH PHÚC LỢI CÔNG CỘNG		-	-	
1	Trụ sở làm việc		-	-	
1.1	Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ	m ²			
1.2	Diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m ²			
1.3	Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m ²			
1.4	Diện tích trụ sở sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m ²			
1.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m ²			
1.6	Số tiền xử lý vi phạm, thanh lý trụ sở thu được	triệu đồng			
2	Nhà công vụ		-	-	
2.1	Tổng diện tích nhà công vụ hiện có đầu kỳ	m ²			
2.2	Diện tích nhà công vụ tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m ²			
2.3	Diện tích nhà công vụ giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m ²			
2.4	Diện tích nhà công vụ sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m ²			
2.5	Diện tích nhà công vụ sử dụng sai chế độ đã xử lý	m ²			
2.6	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng trụ sở	triệu đồng			
3	Phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)		-	-	
3.1	Số lượng phương tiện hiện có đầu kỳ	chiếc			
3.2	Số lượng phương tiện tăng thêm trong kỳ (mua mới, nhận điều chuyển)	chiếc			
3.3	Số lượng phương tiện giảm trong kỳ (thanh lý, điều chuyển)	chiếc			
3.4	Số lượng phương tiện sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc			
3.5	Số tiền xử lý vi phạm về sử dụng phương tiện đi lại	triệu đồng			
4	Tài sản khác		-	-	
4.1	Số lượng các tài sản khác được thanh lý, sắp xếp, điều chuyển, thu hồi	tài sản			
4.2	Số lượng tài sản được trang bị, sử dụng sai mục đích, sai chế độ phát hiện được	tài sản			
4.3	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản	triệu đồng			
5	Các nội dung khác				
IV	QUẢN LÝ, KHAI THÁC, SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN		-	-	
1	Quản lý, sử dụng đất		-	-	
1.1	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, bỏ hoang hóa, có vi phạm pháp luật	m ²			
1.2	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, vi phạm pháp luật, bỏ hoang hóa đã xử lý, thu hồi	m ²			
1.3	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng			
1.4	Các nội dung khác				
2	Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác		-	-	
2.1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên	vụ			
2.2	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng			
3	Các dự án tái chế, tái sử dụng tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo được		-	-	
3.1	Số lượng dự án mới hoàn thành đưa vào sử dụng	dự án			
3.2	Số tiền dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt	triệu đồng			
3.3	Năng lượng, tài nguyên dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt				
4	Các nội dung khác				
V	TRONG ĐÀO TẠO, QUẢN LÝ, SỬ DỤNG LAO ĐỘNG VÀ THỜI GIAN LAO ĐỘNG, CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRONG KHU VỰC NHÀ NƯỚC		-	-	
1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, đào tạo, sử dụng lao động, thời gian lao động	vụ			
2	Số tiền xử lý vi phạm thu được	triệu đồng			
3	Số lượng thủ tục hành chính không cần thiết đã cắt giảm	thủ tục			
4	Các nội dung khác				
VI	QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VỐN, TÀI SẢN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP		-	-	
1	Tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh		-	-	
1.1	Tiết kiệm nguyên, vật liệu	triệu đồng			

Số tiền tiết kiệm xác định trên cơ sở dự toán được duyệt; mức khoán chi được duyệt

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số liệu		Ghi chú
			6 tháng đầu năm	Năm	
1	2	3	4	5	6
1.2	Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng	triệu đồng	-	-	
	Tiết kiệm điện	Kw/h			
	Tiết kiệm xăng, dầu	Tấn (lit)			
1.3	Tiết kiệm chi phí quản lý	triệu đồng			
1.4	Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật	triệu đồng			
2	Quản lý đầu tư xây dựng		-	-	
2.1	Tổng số dự án đầu tư, xây dựng đang thực hiện	dự án			
2.2	Số lượng dự án thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả	dự án			
2.3	Chi phí tiết kiệm được		-	-	
	Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	triệu đồng			
	Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh,...	triệu đồng			
	Thực hiện đầu tư, thi công	triệu đồng			
	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	triệu đồng			
2.4	Lãng phí, vi phạm, thất thoát vốn		-	-	
	Số lượng dự án chậm tiến độ, có lãng phí, vi phạm pháp luật	dự án			
	Số tiền bị thất thoát, lãng phí, vi phạm pháp luật	triệu đồng			
2.5	Các nội dung khác				
3	Sử dụng các nguồn kinh phí được cấp từ NSNN		-	-	
	Số tiền tiết kiệm được	triệu đồng			
	Số tiền chậm giải ngân, quyết toán so với thời hạn được duyệt	triệu đồng			
	Số tiền sử dụng sai chế độ, lãng phí	triệu đồng			
4	Mua sắm tài sản, phương tiện		-	-	
4.1	Mua sắm, trang bị xe ô tô con		-	-	
	Số lượng xe đầu kỳ	chiếc			
	Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới)	chiếc			
	Số tiền mua mới xe ô tô trong kỳ	chiếc			
	Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyển nhượng)	chiếc			
	Số tiền thu hồi do thanh lý, chuyển nhượng	triệu đồng			
4.2	Trang bị xe ô tô con sai tiêu chuẩn, chế độ		-	-	
	Số lượng xe mua sắm, trang bị sai tiêu chuẩn, sai chế độ	chiếc			
	Số tiền mua xe trang bị sai chế độ	triệu đồng			
5	Nợ phải thu khó đòi		-	-	
	Số đầu kỳ	triệu đồng			
	Số cuối kỳ	triệu đồng			
6	Vốn chủ sở hữu		-	-	
	Số đầu năm	triệu đồng			
	Số cuối kỳ	triệu đồng			
VII	TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THANH TRA, KIỂM TRA GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ THTK, CLP		-	-	
1	Số lượng các cuộc thanh tra, kiểm tra liên quan đến THTK, CLP đã triển khai, thực hiện	cuộc			
2	Số lượng các cuộc thanh tra, kiểm tra liên quan đến THTK, CLP đã hoàn thành	cuộc			
3	Số lượng cơ quan, tổ chức được thanh tra, kiểm tra	đơn vị			
4	Số lượng cơ quan, tổ chức có lãng phí, vi phạm pháp luật về THTK, CLP phát hiện được	đơn vị			
5	Tổng giá trị tiền, tài sản bị lãng phí, sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, giám sát	triệu đồng			
6	Giá trị tiền, tài sản lãng phí, vi phạm đã xử lý, thu hồi	triệu đồng			
7	Số lượng người bị xử lý do gây lãng phí hoặc vi phạm pháp luật về THTK, CLP	người	-	-	
7.1	Xử lý hành chính, kỷ luật	người			
7.2	Xử lý hình sự	người			

Số tiền tiết kiệm xác định trên cơ sở dự toán được duyệt; mức khoán chi được duyệt